

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
Số: 134/2000/QĐ-NHNN2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Về việc ban hành Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ chuyển tiền điện tử trong hệ thống Ngân hàng
Nhà nước

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Quyết định số 196/TTg ngày 01/4/1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng các dữ liệu thông tin trên vật mang tin để làm chứng từ kế toán và thanh toán các Ngân hàng và Tổ chức Tín dụng;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này *“Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ chuyển tiền điện tử trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước”*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 469/1998/QĐ-NHNN2 ngày 31/12/1998 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ chuyển tiền điện tử trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Cục trưởng Cục công nghệ Tin học Ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT.THỐNG

ĐỐC

PHÓ

THỐNG ĐỐC

Đã ký

Nguyễn Văn

Giàu

QUY TRÌNH KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ
TRONG HỆ THỐNG NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 134/2000/QĐ-NHNN2

ngày 18 tháng 04 năm 2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

PHẦN I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy trình kỹ thuật nghiệp vụ chuyển tiền điện tử này quy định các thủ tục và trình tự xử lý về kiểm soát và hạch toán kế toán các khoản chuyển tiền giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước với nhau, bao gồm chuyển tiền thuộc hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước hoặc hoạt động thanh toán, điều chuyển vốn của các ngân hàng, tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước qua tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Kiểm soát và đối chiếu trong chuyển tiền điện tử

Chuyển tiền điện tử giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước theo quy trình này được thực hiện theo phương thức kiểm soát và đối chiếu tập trung trên hệ thống máy vi tính theo quy trình: Việc chuyển tiền từ Ngân hàng Nhà nước bên A (sau đây gọi tắt là *Ngân hàng A*) sẽ phải qua Vụ Kế toán - Tài chính Ngân hàng Nhà nước để kiểm soát trước khi Ngân hàng Nhà nước bên B (sau đây gọi tắt là *Ngân hàng B*) nhận được.

1/ Vụ Kế toán - Tài chính có trách nhiệm kiểm soát và đối chiếu toàn bộ doanh số chuyển tiền phát sinh giữa các đơn vị chuyển tiền điện tử thuộc hệ thống Ngân hàng Nhà nước;

2/ Các đơn vị chuyển tiền điện tử (*các chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản trị, Văn phòng đại diện Ngân hàng Nhà nước tại thành phố Hồ Chí Minh và Phòng Kế toán - Tập trung thuộc Vụ Kế toán - Tài chính*) có nhiệm vụ lập và gửi Báo cáo chuyển tiền trong ngày theo quy định để phục vụ cho việc kiểm soát, đối chiếu tập trung tại Vụ Kế toán - Tài chính.

Điều 3. Chứng từ sử dụng trong chuyển tiền điện tử

Chứng từ ghi sổ trong kế toán chuyển tiền điện tử là Lệnh chuyển tiền (*bằng giấy hoặc dưới dạng chứng từ điện tử*). Chứng từ gốc dùng làm cơ sở để lập Lệnh chuyển tiền là các chứng từ thanh toán sử dụng để chuyển tiền liên hàng và liên ngân hàng theo chế độ hiện hành.

1/ Lệnh chuyển tiền dưới dạng chứng từ giấy phải lập theo đúng mẫu và đủ số tiền do Ngân hàng Nhà nước quy định phải đảm bảo tính hợp lệ của chứng từ theo quy định tại Chế độ chứng từ kế toán Ngân hàng, Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 321/QĐ-NH2 ngày 04/12/1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2/ Lệnh chuyển tiền dưới dạng chứng từ điện tử phải đáp ứng các chuẩn dữ liệu Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể và phải thực hiện đúng các quy định có liên quan tại Quy chế về lập, sử dụng, kiểm

soát, xử lý, bảo quản và lưu trữ chứng từ điện tử của các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 308/QĐ-NH2 ngày 16/9/1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Chuyển tiền Nợ trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước

Tất cả các khoản chuyển tiền Nợ trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước đều phải có uỷ quyền trước, trong đó:

1/ Các khoản chuyển tiền Nợ sau đây của nội bộ hệ thống Ngân hàng Nhà nước được mặc nhiên coi là chuyển tiền Nợ có uỷ quyền (*không cần Hợp đồng chuyển Nợ*):

- Điều chuyển tiền mặt, ngân phiếu thanh toán (*theo lệnh của cấp có thẩm quyền*) giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước với nhau;
- Chuyển số chênh lệch thiếu (*số tiền kiểm đếm thực tế nhỏ hơn số tiền ghi trên chứng từ*) khi có điều chuyển tiền mặt, ngân phiếu thanh toán giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước theo biên bản kết quả kiểm đếm của Hội đồng giao nhận kiểm đếm;
- Thanh toán séc chuyển tiền, thư tín dụng do Ngân hàng Nhà nước phát hành;
- Đòi tiền nhượng giấy tờ in quan trọng giữa các đơn vị Ngân hàng Nhà nước;
- Thanh toán mua hộ ngoại tệ do Ngân hàng Nhà nước;
- Chuyển số chênh lệch thu nhỏ hơn chi của các đơn vị Ngân hàng Nhà nước về Vụ Kế toán - Tài chính sau khi quyết toán được duyệt;
- Chuyển giá trị còn lại (chưa khấu hao hết) của tài sản cố định khi được phép thanh lý hoặc điều chuyển;
- Thanh toán Tín phiếu, Trái phiếu Ngân hàng Nhà nước và Tín phiếu, Trái phiếu Kho bạc Nhà nước đến hạn;
- Chuyển tiền Nợ trong các trường hợp từ chối chấp nhận Lệnh chuyển Nợ và chuyển tiêu số liệu quyết toán chuyển tiền;
- Đối với chuyển các khoản Nợ về tạm ứng phải có văn bản đề nghị của thủ trưởng đơn vị Ngân hàng Nhà nước nhận Nợ trong phạm vi chế độ tạm ứng cho phép;

2/ Đối với các khoản chuyển tiền Nợ của khách hàng (*các ngân hàng, tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước*): Các bên khách hàng phải ký Hợp đồng chuyển nợ với nhau và phải được Ngân hàng Nhà nước (*Vụ Kế toán - Tài chính*) chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Điều 5. Chuyển tiền giá trị cao và chuyển tiền khẩn

1/ Chuyển tiền giá trị cao là chuyển tiền Có có giá trị từ 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) trở lên.

2/ Các chuyển tiền khẩn là các chuyển tiền Có mà khách hàng yêu cầu chuyển khẩn.

Điều 6. Thời điểm khống chế áp dụng trong chuyển tiền điện tử

1/ Các thời điểm khống chế áp dụng trong chuyển tiền điện tử được quy định như sau:

a/ **Đối với Ngân hàng Nhà nước A (Ngân hàng A):**

- Về tiếp nhận chứng từ chuyển tiền của khách hàng là các Tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước: chỉ tiếp nhận trong ngày làm việc; và chỉ tiếp nhận đến 15 giờ 00 hàng ngày;

- Về xử lý chuyển tiền đi của Ngân hàng A hàng ngày: chỉ xử lý chuyển đi cho đến thời điểm 15 giờ 15, cụ thể như sau:

+ Tất cả các chứng từ chuyển tiền nhận được 11 giờ 30 buổi sáng và các chuyển tiền giá trị cao, chuyển tiền khẩn được xử lý chuyển đi Ngân hàng Nhà nước B (Ngân hàng B) ngay trong ngày, trừ trường hợp có sự cố kỹ thuật, truyền tin hoặc lý do khách quan khác;

+ Các chứng từ chuyển tiền nhận sau 11 giờ 30 cho đến 15 giờ 00 sẽ được tiếp tục xử lý chuyển đi Ngân hàng B trong ngày hoặc sang ngày làm việc kế tiếp; trong trường hợp có sự cố kỹ thuật, truyền tin hoặc lý do khách quan khác thì sẽ chuyển đi sau khi sự cố đó được khắc phục;

+ Trường hợp cá biệt, có nhận chứng từ chuyển tiền sau 15 giờ 00 thì được xử lý chuyển đi vào buổi sáng của ngày làm việc kế tiếp.

b/ Đối với Vụ Kế toán - Tài chính:

Thời điểm ngừng nhận Lệnh chuyển tiền đến của các ngân hàng A muộn nhất là 15 giờ 15 và ngừng chuyển Lệnh chuyển tiền đi cho các Ngân hàng B là 15 giờ 45. Từ 15 giờ 45, Vụ Kế toán

- Tài chính sẽ đối chiếu và xác nhận số liệu chuyển tiền đi và chuyển tiền đến trong ngày với tất cả các đơn vị chuyển tiền điện tử;

c/ Từ 15 giờ 45 trở đi, các đơn vị chuyển tiền điện tử phải đối chiếu và xác nhận số liệu chuyển tiền đi, đến trong ngày với Vụ Kế toán - Tài chính. Sau khi đơn vị chuyển tiền điện tử hoàn thành việc đối chiếu và xác nhận với Vụ Kế toán - Tài chính thì mới được coi là hoàn tất công việc trong ngày, trừ trường hợp có sự cố kỹ thuật, truyền tin không thể đối chiếu và xác nhận xong trong ngày thì việc đối chiếu, xác nhận được thực hiện vào buổi sáng của ngày làm việc kế tiếp.

2/ Các đơn vị Ngân hàng Nhà nước thực hiện chuyển tiền điện tử phải chấp hành đúng quy định về thời điểm khống chế áp dụng trong chuyển tiền điện tử trên đây để đảm bảo chuyển tiền được tiến hành thuận lợi, chính xác, kịp thời và an toàn tài sản.

PHẦN II

THỦ TỤC KẾ TOÁN CHUYỂN TIỀN ĐIỆN TỬ

TẠI CÁC ĐƠN VỊ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

I/ TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC PHÁT SINH CHUYỂN TIỀN ĐI (Ngân hàng A):

Điều 7. Nhiệm vụ xử lý chuyển tiền đi

1/ Nhiệm vụ xử lý của Kế toán viên giữ tài khoản của khách hàng hoặc tài khoản nội bộ (sau đây gọi tắt là kế toán viên giao dịch):

1.1- Đối với chứng từ giấy:

- Phải kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của chứng từ;
- Đối chiếu kiểm soát số dư tài khoản của đơn vị để đảm bảo đủ thanh toán chuyển tiền;
- Hạch toán vào tài khoản thích hợp (nếu chứng từ hợp lệ, hợp pháp, đủ số dư);
- Nhập vào máy vi tính (*tạo*) các yếu tố sau đây theo chứng từ gốc chuyển tiền:
 - + Tài khoản chuyển tiền điện tử của Ngân hàng Nhà nước;
 - + Người phát lệnh và người nhận lệnh;
 - + Địa chỉ/số CMND của người phát lệnh và người nhận lệnh;
 - + Tài khoản của người phát lệnh và người nhận lệnh;
 - + **Ngân hàng phục vụ người phát lệnh, người nhận lệnh;**
 - + **Tên và Mã Ngân hàng của Ngân hàng gửi lệnh và Ngân hàng nhận lệnh:** Ngân hàng gửi lệnh là ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước có tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước A, để Ngân hàng Nhà nước A trích tài khoản và chuyển tiền đi, Ngân hàng nhận lệnh là ngân hàng hay Kho bạc Nhà nước có tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước B và được Ngân hàng Nhà nước B chuyển tiền vào tài khoản của Ngân hàng nhận lệnh này. Tên và Mã Ngân hàng của Ngân hàng gửi lệnh và Ngân hàng nhận lệnh phải ghi đúng theo quy định tại Quyết định số 59/2000/QĐ-NHNN2 ngày 22/02/2000 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy định về hệ thống Mã Ngân hàng, Tổ chức tín dụng và Kho bạc Nhà nước có mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước để trực tiếp giao dịch thanh toán; và Thông báo Mã Ngân hàng hiện hành của Ngân hàng Nhà nước (Vụ Kế toán - Tài chính);
 - + Nội dung chuyển tiền;
 - + **Số tiền.**
- Kiểm soát lại các dữ liệu đó nhập và ký vào chứng từ, sau đó chuyển chứng từ giấy đồng thời truyền dữ liệu qua mạng vi tính cho kế toán chuyển tiền điện tử (*từ đây gọi tắt là kế toán viên chuyển tiền*) xử lý tiếp.

1.2- Đối với chứng từ điện tử:

Khi tiếp nhận chứng từ kế toán viên giao dịch phải kiểm soát chặt chẽ bảo đảm tính hợp pháp của nghiệp vụ và tính hợp lệ của chứng từ và theo quy định đối với chứng từ điện tử, cụ thể phải thực hiện:

a/ Kiểm soát kỹ thuật thông tin:

- Mã nhận biết trên chứng từ phải đúng với mã đó quy định;
- Các mật mã trên chứng từ phải đúng với mật mã đó quy định;
- Tên tập tin phải được lập đúng tên và mẫu thông tin quy định, kiểm soát bảo đảm không có sự trùng lặp về nội dung thông tin trên chứng từ;